

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2024

V/v: *Kiến xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư

2. Ông Nguyễn Văn Thuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa: Ông Triệu Đức Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2023/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 2, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Đinh Văn T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm M, xã P1, huyện P, tỉnh T.(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T1 về chung sống với nhau từ năm 2021, đến tháng 5/2023 anh chị quyết định kết hôn với nhau. Chị và anh T1 đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh T. Trước khi kết hôn, hai anh chị được tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không bị ai lừa dối, cưỡng ép. Sau khi kết hôn, anh T1 ở với mẹ đẻ ở xóm M, xã P1, huyện P, chị buôn bán và ở nhà mẹ đẻ ở phường Đ, thành phố T. Chị và anh T1 thường xuyên đi lại ở cả hai nơi. Tình cảm vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên uống rượu say, đánh chửi vợ, không chịu làm ăn. Chị đã khuyên bảo nhưng anh T1 nhiều lần nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2023 đến nay. Chị đã

hết tình cảm với anh T1 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đinh Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T1 không có mặt tại Tòa án để làm việc, Tòa án không tiến hành ghi lời khai của anh T1 được.

Tại biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị V – mẹ đẻ của anh Đinh Văn T1 xác định: Chị Nguyễn Văn H và anh Đinh Văn T1 kết hôn vào tháng 5/2023, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh T. Trước đó hai anh chị đã về chung sống với nhau từ trước. Sau khi kết hôn, anh chị chủ yếu sống ở nhà chị H ở phường Đ, thành phố T nên bà không biết giữa hai anh chị có mâu thuẫn gì. Bà chỉ biết thời gian gần đây, hai anh chị có một chút hiểu lầm. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng Tòa án tổng đạt cho anh T1, bà đã chuyển lại cho anh T1.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28; 35 BLTTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh T1;

Về con chung: Không có, không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]: Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Đinh Văn T1 (anh T1 có nơi cư trú ở xóm M, xã P1, huyện P, tỉnh T). Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn là anh Đinh Văn T1 đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T1.

[2]: Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H thấy:

[2.1]: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2.2]: Lý do chị Nguyễn Thị H xin ly hôn với anh Đinh Văn T1 là do anh T1 thường xuyên uống rượu say, đánh chửi vợ, không chịu làm ăn. Hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2023 đến nay. Hai bên không có tiếng nói chung, không hòa hợp hàn gắn được, hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân, đến nay chị H tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T1 đã ở tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T1 là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]: Về con chung: Chị H và anh T1 không có con chung nên không xem xét.

[2.4]: Về Tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]: Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[2.6]: Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật. Cần được chấp nhận.

Vì các lý do nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đinh Văn T1

2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ khấu vào số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004357 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn

vắng mặt tại phiên toà. Có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- UBND phường Đ, TP T;
- Lưu HSVA, VP, TP, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Lý

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- UBND xã Phú Đô;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Đức Long

